

*Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 03 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 167/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025,

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn G, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ dân phố P, xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: ông Trần Ngọc T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Bà Trần Thị V1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà A H, tổ I, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ hiện tại: Cannada (H  
drifwood A).

6. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1970; Địa chỉ: A L, tổ D, phường Đ, tỉnh  
Quảng Ngãi.

7. Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Hà  
Tĩnh.

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

9. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: B K, phường K, TP Hà  
Nội.

10. Ông Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1983; Địa chỉ: N, phường R, TP Hồ  
Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên  
quan nói trên: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn G, xã L, tỉnh Hà  
Tĩnh.

11. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

12. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Hà  
Tĩnh.

13. Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan  
Trần Thị Ngọc A, Trần Ngọc D: Bà Lê Thị T2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L,  
xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang V2 – Chuyên viên Phòng Kinh  
tế UBND xã L.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế do ông Trần T3 và bà Lưu Thị C1 để lại là thừa  
đất số 198, tờ bản đồ số 18 nay là thửa số 14, tờ bản đồ số 18, diện tích đất ở  
149,5m<sup>2</sup>, địa chỉ tại thôn G, xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Giá trị thửa đất 1.704.300.000  
đồng. Ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt trong nhà không xác định giá trị, không  
yêu cầu phân chia. Ngôi nhà được cắt theo diện tích đất phân chia.

2.2. Phân chia di sản thừa kế thành hai phần như sau:

Phần thứ nhất có diện tích 75,2m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị P có các tứ cận như sau:

- Cận thứ nhất giáp đường giao thông (mặt trước của thửa đất): dài 4,84 m.
- Cận thứ hai giáp đất hộ bà Trần Thị K1 (mặt sau thửa đất): dài 4,4 m.
- Cận thứ ba giáp đất hộ bà Đặng Thị T4: dài 16,5 m.
- Cận thứ tư giáp đất chia cho các đồng thừa kế còn lại: dài 16,22 m.

Phần thứ hai có diện tích 74,3m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Trần Ngọc K và các đồng thừa kế còn lại gồm 09 suất thừa kế: ông Trần Ngọc K được chia 8,25m<sup>2</sup>; bà Trần Thị V được chia 8,25m<sup>2</sup>; bà Trần Thị V1 được chia 8,25m<sup>2</sup>; bà Trần Thị C được chia 8,25m<sup>2</sup>; bà Trần Thị N được chia 8,25m<sup>2</sup>; ông Trần Minh Đ được chia 8,25m<sup>2</sup>; Trần Quốc H được chia 8,25m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Quốc H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Quốc H2 được chia 8,25m<sup>2</sup>; bà Trần Thị Ngọc A, ông Trần Ngọc D và bà Lê Thị T2 được chia 8,25m<sup>2</sup>. Các đồng thừa kế thống nhất sử dụng chung có các tứ cận như sau:

- Cận thứ nhất giáp đường giao thông (mặt trước của thửa đất): dài 4,85 m.
- Cận thứ hai giáp đất hộ bà Trần Thị K1 (mặt sau của thửa đất): dài 4,47 m.
- Cận thứ ba giáp đường giao thông: dài 15,87 m.
- Cận thứ tư giáp đất chia cho ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị P: dài 16,22m.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

**3.** Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

**4.** Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Ngọc K và ông Trần Ngọc T mỗi người tự nguyện chịu một nửa chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các đương sự đã nộp đủ.

**5.** Về án phí: Ông Trần Ngọc K, ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị V, bà Trần Thị V1, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Quốc H1, Trần Thị N được miễn án phí chia tài sản. Ông Trần Minh Đ, ông Trần Quốc H mỗi người phải chịu 2.351.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Quốc T1, ông Nguyễn Quốc H2 mỗi người phải chịu 587.812 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T2, bà Trần Thị Ngọc A, ông Trần Ngọc D mỗi người phải chịu 783.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc K tự nguyện nhận nộp án phí cho ông

Trần Minh Đ, ông Trần Quốc H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Quốc T1, ông Nguyễn Quốc H2, bà Lê Thị T2, bà Trần Thị Ngọc A, ông Trần Ngọc D, tổng số tiền phải nộp là **8.817.186 đồng**.

**6.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**7.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV1 – Hà Tĩnh;
- THADS KV1 – Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bích Đào**